BỘ TƯ PHÁP

TÀI LIỆU

HƯỚNG DẪN KẾT NỐI, TRAO ĐỔI DỮ LIỆU VỚI HỆ THỐNG CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ TỊCH ĐIỆN TỬ

Phiên bản 2.0

Hà Nội, 2026

MỤC LỤC

MỤC LỤC....2
PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG....1
1.1. Mục đích....1
1.2. Giải thích từ ngữ....1
PHẦN 2. PHƯƠNG THỨC GIAO TIẾP DỮ LIỆU VÀ MÔ TẢ CHI TIẾT API CHIA SẺ....2
2.1. Mô hình kết nối....2
2.2. API chia sẻ dữ liệu từ phần mềm quản lý hồ sơ hộ tịch điện tử cá nhân....2
2.3. Hướng dẫn cấp API KEY....34
2.4. Hướng dẫn xác thực chữ ký số....35
2.5. Bảng danh mục đơn vị hành chính....35

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Mục đích

Tài liệu này giới thiệu mô hình kết nối, trao đổi dữ liệu và các quy định về cấu trúc dữ liệu phục vụ kết nối, trao đổi dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử (bao gồm các phần mềm) với các phần mềm chuyên ngành của địa phương.

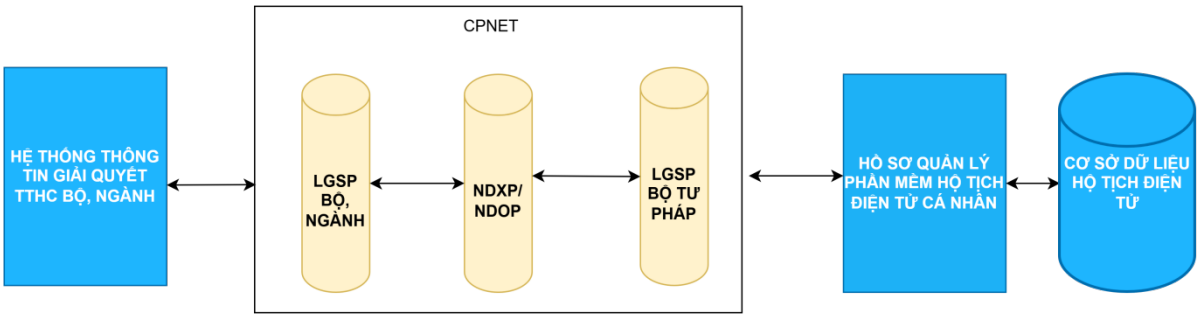
1.2. Giải thích từ ngữ

STT	Thuật ngữ	Ý nghĩa
1	PCM	Phần mềm hồ sơ hộ tịch điện tử cá nhân
2	CSDLHTDT	Cơ sở dữ liệu Hộ tịch điện tử
3	TTHN	Tình trạng hôn nhân

PHẦN 2. PHƯƠNG THỨC GIAO TIẾP DỮ LIỆU VÀ MÔ TẢ CHI TIẾT API CHIA SẺ

2.1. Mô hình kết nối

Mô hình kết nối được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị và Khung Kiến trúc dữ liệu quốc gia như sau:



Hình 1: Mô hình kết nối khai thác dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử phục vụ thay thế thành phần hồ sơ bằng dữ liệu theo NQ số 66.7/2025/NQ-CP

+ LSGP: Nền tảng chia sẻ, tích hợp dữ liệu của bộ, ngành

+ NDOP: Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia

+ NDXP: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (duy trì kết nối qua NDXP chậm nhất đến 31/12/2026).

Trình tự kết nối

- Hệ thống của bộ, ngành gửi yêu cầu khai thác dữ liệu tới Trục LGSP của bộ, ngành

- LGSP của Bộ ngành địa phương chuyển tiếp yêu cầu sang Nền tảng chia sẻ, điều phối dữ liệu quốc gia NDOP hoặc Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia NDXP (tuỳ thuộc vào thời điểm sẵn sàng cung cấp dịch vụ của nền tảng).

- NDXP chuyển tiếp yêu cầu sang trục LGSP của Bộ Tư pháp

- NDOP/NDXP chuyển tiếp yêu cầu tới LGSP Bộ Tư pháp

- LGSP Gửi yêu cầu sang Phần mềm hồ sơ hộ tịch điện tử cá nhân (PCM), sau khi PCM xử lý xong, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính bộ, ngành nhận kết quả (thành công hoặc lỗi).

2.2. API chia sẻ dữ liệu từ phần mềm quản lý hồ sơ hộ tịch điện tử cá nhân

- Các mô tả dưới đây là mô tả về API được tích hợp trực tiếp trên Phần mềm hồ sơ hộ tịch điện tử cá nhân. API này được đăng ký cung cấp dịch vụ trên

NDXP/NDOP. Việc khai thác dữ liệu của các bộ, ngành được thực hiện thông qua NDXP/NDOP theo quy tắc kết nối của cơ quan chủ quản nền tảng kết nối ban hành, gồm Bộ Khoa học và Công nghệ (NDXP), Bộ Công an (NDOP).

2.2.1 API Specs

URL kết nối tới dịch vụ chia sẻ dữ liệu hộ tịch điện tử cá nhân	
Url	https://host:port/api/pcm/share-data/citizen-data
Request header	
API-KEY	Ví dụ: *"yV12uZeH6Le67ldymzxgquqH6hA6c13E"*
APP-CODE	*Ví dụ:* *"CDR"*
Content-Type	application/json
Method	POST
Request body	

body	Ví dụ:
	{
	"citizenFullName": "Nguyễn Văn A",
	"citizenPin": "000000000001",
	"citizenIdentifyNo": null,
	"citizenBirthDate": "01/01/2000",
	"dossierType": "KS",
	"citizenIdentifyType": null,
	"registrationPlace": "68"
	}

Response body	
	Ví dụ: { "code": "200", "data": "<root> <citizenFullName></citizenFullName> <citizenPin></citizenPin> <citizenIdentifyNo></citizenIdentifyNo> <identifyNo></identifyNo> <passPortNo></passPortNo> <citizenBirthDate></citizenBirthDate> <birthRegistrations> <birthRegistration>

	<numberNo></numberNo> <bookNo></bookNo> <pageNo></pageNo> <rpPin></rpPin> <rpFullName></rpFullName> <rpBirthDate></rpBirthDate> <rpGender></rpGender> <rpEthnic></rpEthnic> <rpNational></rpNational> <rpBirthPlace></rpBirthPlace> <rpNativeCountry></rpNativeCountry> <momPin></momPin> <momFullName></momFullName> <momBirthDate></momBirthDate> <momEthnic></momEthnic> <momNational></momNational> <momResidentContent></momResidentContent> <momTemporaryContent></momTemporaryContent> <momCurrentResident></momCurrentResident> <momIdentifyType></momIdentifyType> <momIdentifyNo></momIdentifyNo> <momIdentifyDate></momIdentifyDate> <momIdentifyPlace></momIdentifyPlace> <dadPin></dadPin> <dadFullName></dadFullName> <dadBirthDate></dadBirthDate> <dadEthnic></dadEthnic> <dadNational></dadNational> <dadResidentContent></dadResidentContent> <dadTemporaryContent></dadTemporaryContent> <dadCurrentResident></dadCurrentResident> <dadIdentifyType></dadIdentifyType> <dadIdentifyNo></dadIdentifyNo> <dadIdentifyDate></dadIdentifyDate> <dadIdentifyPlace></dadIdentifyPlace> <registrationDate></registrationDate> <registrationPlace></registrationPlace> <signer></signer> <position></position> <rpForeignPlaceNation></rpForeignPlaceNation> <rpForeignPlace></rpForeignPlace> <rpForeignDate></rpForeignDate> <rpForeignNo></rpForeignNo> <spFullName></spFullName> <spIdentifyType></spIdentifyType> <spIdentifyNo></spIdentifyNo> <spIdentifyDate></spIdentifyDate>

```
                    <spIdentifyPlace></spIdentifyPlace>
                </birthRegistration>
            </birthRegistrations>
            <marriageRegistrations>
                <marriageRegistration>
                    <bookNo></bookNo>
                    <pageNo></pageNo>
                    <registrationDate></registrationDate>
                    <registrationPlace></registrationPlace>
                    <numberNo></numberNo>

            <foreignRegistrationNational></foreignRegistrationNational>

            <foreignRegistrationPlace></foreignRegistrationPlace>

            <foreignRegistrationDate></foreignRegistrationDate>
                    <foreignRegistrationNo></foreignRegistrationNo>
                    <signer></signer>
                    <position></position>
                    <hbPin></hbPin>
                    <hbFullName></hbFullName>
                    <hbBirthDate></hbBirthDate>
                    <hbEthnic></hbEthnic>
                    <hbNational></hbNational>
                    <hbResidentContent></hbResidentContent>
                    <hbTemporaryContent></hbTemporaryContent>
                    <hbCurrentResident></hbCurrentResident>
                    <hbIdentifyType></hbIdentifyType>
                    <hbIdentifyNo></hbIdentifyNo>
                    <hbIdentifyDate></hbIdentifyDate>
                    <hbIdentifyPlace></hbIdentifyPlace>
                    <wfPin></wfPin>
                    <wfFullName></wfFullName>
                    <wfBirthDate></wfBirthDate>
                    <wfEthnic></wfEthnic>
                    <wfNational></wfNational>
                    <wfResidentContent></wfResidentContent>
                    <wfTemporaryContent></wfTemporaryContent>
                    <wfIdentifyType></wfIdentifyType>
                    <wfIdentifyNo></wfIdentifyNo>
                    <wfIdentifyDate></wfIdentifyDate>
                    <wfIdentifyPlace></wfIdentifyPlace>
                </marriageRegistration>
            </marriageRegistrations>
            <deathRegistrations>
                <deathRegistration>
                    <numberNo></numberNo>
                    <bookNo></bookNo>
```

```
                    <pageNo></pageNo>
                    <signer></signer>
                    <position></position>
                    <registrationPlace></registrationPlace>
                    <registrationDate></registrationDate>
                    <deathForeignNation></deathForeignNation>
                    <deathForeignPlace></deathForeignPlace>
                    <deathForeignDate></deathForeignDate>
                    <deathForeignNo></deathForeignNo>
                    <deathFullName></deathFullName>
                    <deathBirthDate></deathBirthDate>
                    <deathGender></deathGender>
                    <deathEthnic></deathEthnic>
                    <deathNational></deathNational>
                    <deathResidentContent></deathResidentContent>

<deathTemporaryContent></deathTemporaryContent>
                    <deathCurrentResident></deathCurrentResident>
                    <deathPin></deathPin>
                    <deathIdentifyType></deathIdentifyType>
                    <deathIdentifyNo></deathIdentifyNo>
                    <deathIdentifyDate></deathIdentifyDate>
                    <deathIdentifyPlace></deathIdentifyPlace>
                    <deathDate></deathDate>
                    <deathDateStr></deathDateStr>
                    <deathPlace></deathPlace>
                    <deathNoticeNo></deathNoticeNo>

<deathNoticeProvideDate></deathNoticeProvideDate>

<deathNoticeProvidePlace></deathNoticeProvidePlace>
                    <spFullName></spFullName>
                    <spIdentifyType></spIdentifyType>
                    <spIdentifyNo></spIdentifyNo>
                    <spIdentifyDate></spIdentifyDate>
                    <spIdentifyPlace></spIdentifyPlace>
            </deathRegistration>
        </deathRegistrations>
        <marriageStatusRegistrationViews>
            <marriageStatusRegistrationView>
                    <numberNo></numberNo>
                    <bookNo></bookNo>
                    <pageNo></pageNo>
                    <registrationDate></registrationDate>
                    <registrationPlace></registrationPlace>
                    <signer></signer>
                    <position></position>
                    <fullName></fullName>
```

	<birthDate></birthDate> <gender></gender> <ethnic></ethnic> <national></national> <residentContent></residentContent> <temporaryContent></temporaryContent> <pin></pin> <identifyType></identifyType> <identifyNo></identifyNo> <identifyDate></identifyDate> <identifyPlace></identifyPlace> <usePurposeChar></usePurposeChar> <marriageStatus></marriageStatus> <residenceTimeAt></residenceTimeAt> <residenceTimeFromDate></residenceTimeFromDate> <residenceTimeToDate></residenceTimeToDate> </marriageStatusRegistrationView> </marriageStatusRegistrationViews> <guardianRegistrations> <guardianRegistration> <numberNo></numberNo> <bookNo></bookNo> <pageNo></pageNo> <registrationDate></registrationDate> <registrationPlace></registrationPlace> <signer></signer> <position></position> <grForeignPlaceNation></grForeignPlaceNation> <grForeignPlace></grForeignPlace> <grForeignDate></grForeignDate> <grForeignNo></grForeignNo> <parentFullName></parentFullName> <parentBirthDate></parentBirthDate> <parentGender></parentGender> <parentEthnic></parentEthnic> <parentNational></parentNational> <parentResidentContent></parentResidentContent> <parentTemporaryContent></parentTemporaryContent> <parentCurrentResident></parentCurrentResident> <parentPin></parentPin> <parentIdentifyType></parentIdentifyType> <parentIdentifyNo></parentIdentifyNo> <parentIdentifyDate></parentIdentifyDate> <parentIdentifyPlace></parentIdentifyPlace> <organizationName></organizationName> <organizationAddress></organizationAddress>

	<grFullName></grFullName> <grBirthDate></grBirthDate> <grGender></grGender> <grEthnic></grEthnic> <grNational></grNational> <grResidentContent></grResidentContent> <grTemporaryContent></grTemporaryContent> <grCurrentResident></grCurrentResident> <grPin></grPin> <grIdentifyType></grIdentifyType> <grIdentifyNo></grIdentifyNo> <grIdentifyDate></grIdentifyDate> <grIdentifyPlace></grIdentifyPlace> </guardianRegistration> </guardianRegistrations> <terminationGuardians> <terminationGuardian> <numberNo></numberNo> <bookNo></bookNo> <pageNo></pageNo> <registrationPlace></registrationPlace> <registrationDate></registrationDate> <signer></signer> <position></position> <grForeignPlaceNation></grForeignPlaceNation> <grForeignPlace></grForeignPlace> <grForeignDate></grForeignDate> <grForeignNo></grForeignNo> <grNumberNo></grNumberNo> <grRegistrationDate></grRegistrationDate> <grRegistrationPlace></grRegistrationPlace> <parentFullName></parentFullName> <parentBirthDate></parentBirthDate> <parentGender></parentGender> <parentEthnic></parentEthnic> <parentNational></parentNational> <parentResidentContent></parentResidentContent> <parentTemporaryContent></parentTemporaryContent> <parentCurrentResident></parentCurrentResident> <parentPin></parentPin> <parentIdentifyType></parentIdentifyType> <parentIdentifyNo></parentIdentifyNo> <parentIdentifyDate></parentIdentifyDate> <parentIdentifyPlace></parentIdentifyPlace> <organizationName></organizationName> <organizationAddress></organizationAddress> <grFullName></grFullName>

	<grBirthDate></grBirthDate> <grGender></grGender> <grEthnic></grEthnic> <grNational></grNational> <grResidentContent></grResidentContent> <grTemporaryContent></grTemporaryContent> <grCurrentResident></grCurrentResident> <grPin></grPin> <grIdentifyType></grIdentifyType> <grIdentifyNo></grIdentifyNo> <grIdentifyDate></grIdentifyDate> <grIdentifyPlace></grIdentifyPlace> </terminationGuardian> </terminationGuardians> <fmcRecognizeRegistrations> <fmcRecognizeRegistration> <numberNo></numberNo> <bookNo></bookNo> <pageNo></pageNo> <registrationPlace></registrationPlace> <registrationDate></registrationDate> <signer></signer> <position></position> <recognizedForeignNation></recognizedForeignNation> <recognizedForeignPlace></recognizedForeignPlace> <recognizedForeignDate></recognizedForeignDate> <recognizedForeignNo></recognizedForeignNo> <fullName></fullName> <birthDate></birthDate> <gender></gender> <ethnic></ethnic> <national></national> <residentContent></residentContent> <temporaryContent></temporaryContent> <currentResident></currentResident> <pin></pin> <identifyType></identifyType> <identifyNo></identifyNo> <identifyDate></identifyDate> <identifyPlace></identifyPlace> <recognizedFullName></recognizedFullName> <recognizedBirthDate></recognizedBirthDate> <recognizedGender></recognizedGender> <recognizedEthnic></recognizedEthnic> <recognizedNational></recognizedNational>

	<recognizedResidentContent></recognizedResidentContent> <recognizedTemporaryContent></recognizedTemporaryContent> <recognizedCurrentResident></recognizedCurrentResident> <recognizedPin></recognizedPin> <recognizedIdentifyType></recognizedIdentifyType> <recognizedIdentifyNo></recognizedIdentifyNo> <recognizedIdentifyDate></recognizedIdentifyDate> <recognizedIdentifyPlace></recognizedIdentifyPlace> </fmcRecognizeRegistration> </fmcRecognizeRegistrations> <childAdoptionRegistrations> <childAdoptionRegistration> <numberNo></numberNo> <bookNo></bookNo> <pageNo></pageNo> <registrationPlace></registrationPlace> <registrationDate></registrationDate> <signer></signer> <position></position> <caForeignNation></caForeignNation> <caForeignPlace></caForeignPlace> <caForeignDate></caForeignDate> <caForeignNo></caForeignNo> <decisionNo></decisionNo> <decisionDate></decisionDate> <decisionDepartment></decisionDepartment> <caFullName></caFullName> <caBirthDate></caBirthDate> <caGender></caGender> <caBirthPlace></caBirthPlace> <caEthnic></caEthnic> <caNational></caNational> <caResidentContent></caResidentContent> <caTemporaryContent></caTemporaryContent> <caCurrentResident></caCurrentResident> <caPin></caPin> <caIdentifyType></caIdentifyType> <caIdentifyNo></caIdentifyNo> <caIdentifyDate></caIdentifyDate> <caIdentifyPlace></caIdentifyPlace> </childAdoptionRegistration> </childAdoptionRegistrations>

	<superviseGuardians> <superviseGuardian> <numberNo></numberNo> <bookNo></bookNo> <pageNo></pageNo> <registrationPlace></registrationPlace> <registrationDate></registrationDate> <signer></signer> <position></position> <grForeignNation></grForeignNation> <grForeignPlace></grForeignPlace> <grForeignDate></grForeignDate> <grForeignNo></grForeignNo> <grNumberNo></grNumberNo> <grBookNo></grBookNo> <grRegistrationDate></grRegistrationDate> <grRegistrationPlace></grRegistrationPlace> <fullName></fullName> <birthDate></birthDate> <gender></gender> <ethnic></ethnic> <national></national> <residentContent></residentContent> <temporaryContent></temporaryContent> <currentResident></currentResident> <pin></pin> <identifyType></identifyType> <identifyNo></identifyNo> <identifyDate></identifyDate> <identifyPlace></identifyPlace> <organizationName></organizationName> <organizationAddress></organizationAddress> </superviseGuardian> </superviseGuardians> <terminateSuperviseGuardians> <terminateSuperviseGuardian> <numberNo></numberNo> <bookNo></bookNo> <pageNo></pageNo> <registrationPlace></registrationPlace> <registrationDate></registrationDate> <signer></signer> <position></position> <gsForeignNation></gsForeignNation> <gsForeignPlace></gsForeignPlace> <gsForeignDate></gsForeignDate> <gsForeignNo></gsForeignNo> <gsNumberNo></gsNumberNo>

	<gsBookNo></gsBookNo> <gsRegistrationDate></gsRegistrationDate> <gsRegistrationPlace></gsRegistrationPlace> <fullName></fullName> <birthDate></birthDate> <gender></gender> <ethnic></ethnic> <national></national> <residentContent></residentContent> <temporaryContent></temporaryContent> <currentResident></currentResident> <pin></pin> <identifyType></identifyType> <identifyNo></identifyNo> <identifyDate></identifyDate> <identifyPlace></identifyPlace> <organizationName></organizationName> <organizationAddress></organizationAddress> </terminateSuperviseGuardian> </terminateSuperviseGuardians> <Signature></Signature> </root> " }

2.2.2 Request body

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc
1	citizenFullName	String	Họ và tên của công dân	x
2	citizenPin	String	Số định danh của công dân	Bắt buộc 1 trong 2 thông tin
3	citizenIdentifyNo	String	Số giấy tờ của công dân dựa theo citizenIdentifyType	
4	citizenIdentifyType	Integer	Loại giấy tờ 1. Giấy CMND 2. Hộ chiếu	Bắt buộc với trường hợp gửi lên citizenIdent

			3. Thẻ thường trú 4. Thẻ căn cước công dân 5. Giấy chứng minh quân đội nhân dân 6. Giấy chứng minh sĩ quan quân đội 7. Giấy chứng minh công an nhân dân 8. Giấy tờ khác 10. Giấy khai sinh 11. Giấy chứng sinh 12.Thẻ căn cước 13. Giấy chứng nhận căn cước	ifyNo
5	citizenBirthDate	String	Ngày sinh của công dân. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy	x
6	dossierType	String	Loại sự kiện 1. KS (khai sinh) 2. KH (kết hôn) 3. KT (khai tử) 4. GH (giám hộ) 5. TGH (chấm dứt giám hộ) 6. CMC (nhận cha mẹ con) 7. CN (nhận nuôi con nuôi) 8. HN (hôn nhân) 9. GSGH (giám sát giám hộ) 10. TGSGH (chấm dứt giám sát giám hộ)	x

7	registrationPlace	String	Mã đơn vị Nơi đăng ký (tham chiếu mục 2.5)	

2.2.3. Response body

TT	Tên trường	Định dạng	Độ dài	Bắt buộc	Mô tả
1	code	number	4	x	Trạng thái: 200: Thành công Khác 200: Không thành công
2	message	String	1000		Mô tả lỗi khi trạng thái khác 200
3	data	Clob			Dữ liệu trả về dạng String XML. Chi tiết xem bảng mô tả phía dưới

- Mô tả XML dữ liệu trả về:

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả
1	citizenFullName	String	Họ và tên công dân
2	citizenPin	String	Số định danh cá nhân của công dân
3	citizenIdentifyNo	String	Số căn cước công dân
4	identifyNo	String	Số chứng mình nhân dân/chứng minh thư
5	passPortNo	String	Hộ chiếu của công dân
6	citizenBirthDate	String	Ngày sinh của công dân. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
7	birthRegistrations	Collections	Danh sách thông tin đăng ký khai sinh
7.1	birthRegistration	Object	Thông tin đăng ký khai sinh
7.1.1	numberNo	String	Số đăng ký khai sinh
7.1.2	bookNo	String	Số quyển sổ hộ tịch
7.1.3	pageNo	String	Trang số trong sổ hộ tịch

7.1.4	rpPin	String	Số định danh cá nhân của người được đăng ký khai sinh
7.1.5	rpFullName	String	Họ, chữ đệm, tên của người được đăng ký khai sinh
7.1.6	rpBirthDate	String	Ngày, tháng, năm sinh của người được đăng ký khai sinh dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
7.1.7	rpBirthDateStr	String	Ngày, tháng, năm sinh ghi bằng chữ của người được đăng ký khai sinh
7.1.8	rpGender	String	Giới tính của người được đăng ký khai sinh
7.1.9	rpEthnic	String	Dân tộc của người được đăng ký khai sinh
7.1.10	rpNational	String	Quốc tịch của người được đăng ký khai sinh
7.1.11	rpBirthPlace	String	Nơi sinh của người được đăng ký khai sinh
7.1.12	rpNativeCountry	String	Quê quán của người được đăng ký khai sinh
7.1.13	momPin	String	Số định danh cá nhân của người mẹ
7.1.14	momFullName	String	Họ và tên người mẹ
7.1.15	momBirthDate	String	Ngày sinh của người mẹ. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
7.1.16	momEthnic	String	Dân tộc người mẹ
7.1.17	momNational	String	Quốc tịch người mẹ
7.1.18	momResidentContent	String	Nơi thường trú người mẹ
7.1.19	momTemporaryContent	String	Nơi tạm trú người mẹ
7.1.20	momCurrentResident	String	Nơi ở hiện tại người mẹ
7.1.21	momIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân người mẹ
7.1.22	momIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân người mẹ

7.1.23	momIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân người mẹ. Định dạng: dd/MM/yyyy
7.1.24	momIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân người mẹ
7.1.25	dadPin	String	Số định danh cá nhân của người cha
7.1.26	dadFullName	String	Họ và tên của người cha
7.1.27	dadBirthDate	String	Ngày tháng năm sinh của người cha. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
7.1.28	dadEthnic	String	Dân tộc người cha
7.1.29	dadNational	String	Quốc tịch người cha
7.1.30	dadResidentContent	String	Nơi thường trú người cha
7.1.31	dadTemporaryContent	String	Nơi tạm trú người cha
7.1.32	dadCurrentResident	String	Nơi ở hiện tại người cha
7.1.33	dadIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân người cha
7.1.34	dadIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân người cha
7.1.35	dadIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân người cha. Định dạng: dd/MM/yyyy
7.1.36	dadIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân người cha
7.1.37	registrationDate	String	Ngày đăng ký khai sinh. Định dạng: dd/MM/yyyy
7.1.38	registrationPlace	String	Nơi đăng ký khai sinh
7.1.39	signer	String	Người ký giấy
7.1.40	position	String	Chức vụ của người ký
7.1.41	rpForeignPlaceNation	String	Quốc gia nơi đăng ký khai sinh tại nước ngoài
7.1.42	rpForeignPlace	String	Nơi đăng ký khai sinh tại nước ngoài
7.1.43	rpForeignDate	String	Ngày đăng ký khai sinh tại nước ngoài. Định dạng: dd/MM/yyyy
7.1.44	rpForeignNo	String	Số đăng ký khai sinh tại nước ngoài

7.1.45	spFullName	String	Họ và tên của người yêu cầu
7.1.46	spIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân người yêu cầu
7.1.47	spIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân người yêu cầu
7.1.48	spIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân người yêu cầu. Định dạng: dd/MM/yyyy
7.1.49	spIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân người yêu cầu
8	marriageRegistrations	Collections	Danh sách thông tin đăng ký kết hôn
8.1	marriageRegistration	String	Thông tin đăng ký kết hôn
8.1.1	bookNo	String	Số quyển sổ hộ tịch
8.1.2	pageNo	String	Số trang sổ hộ tịch
8.1.3	registrationDate	String	Ngày đăng ký kết hôn. Định dạng dd/MM/yyyy
8.1.4	registrationPlace	String	Nơi đăng ký kết hôn
8.1.5	numberNo	String	Số đăng ký ghi trong sổ hộ tịch
8.1.6	foreignRegistrationNational	String	Quốc gia nơi đăng ký kết hôn tại nước ngoài
8.1.7	foreignRegistrationPlace	String	Nơi đăng ký kết hôn tại nước ngoài
8.1.8	foreignRegistrationDate	String	Ngày đăng ký kết hôn tại nước ngoài. Định dạng: dd/MM/yyyy
8.1.9	foreignRegistrationNo	String	Số đăng ký kết hôn tại nước ngoài
8.1.10	signer	String	Người ký giấy
8.1.11	position	String	Chức vụ của người ký
8.1.12	hbPin	String	Số định danh cá nhân của người chồng
8.1.13	hbFullName	String	Họ và tên của người chồng
8.1.14	hbBirthDate	String	Ngày sinh của người chồng. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy

8.1.15	hbEthnic	String	Dân tộc người chồng
8.1.16	hbNational	String	Quốc tịch người chồng
8.1.17	hbResidentContent	String	Nơi thường trú người chồng
8.1.18	hbTemporaryConte nt	String	Nơi tạm trú người chồng
8.1.19	hbCurrentResident	String	Nơi ở hiện tại người chồng
8.1.20	hbIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân người chồng
8.1.21	hbIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân người chồng
8.1.22	hbIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân người chồng. Định dạng: dd/MM/yyyy
8.1.23	hbIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân người chồng
8.1.24	wfPin	String	Số định danh cá nhân của người vợ
8.1.25	wfFullName	String	Họ và tên của người vợ
8.1.26	wfBirthDate	String	Ngày sinh của người vợ. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
8.1.27	wfEthnic	String	Dân tộc người vợ
8.1.28	wfNational	String	Quốc tịch người vợ
8.1.29	wfResidentContent	String	Nơi thường trú người vợ
8.1.30	wfTemporaryConte nt	String	Nơi tạm trú người vợ
8.1.31	wfIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân người vợ
8.1.32	wfIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân người vợ
8.1.33	wfIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân người vợ. Định dạng: dd/MM/yyyy
8.1.34	wfIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân người vợ
9	deathRegistrations	Collectio ns	Danh sách đăng ký khai tử
9.1	deathRegistration	Object	Thông tin đăng ký khai tử
9.1.1	numberNo	String	Số đăng ký ghi trong sổ hộ tịch
9.1.2	bookNo	String	Số quyển sổ hộ tịch

9.1.3	pageNo	String	Số trang sổ hộ tịch
9.1.4	signer	String	Người ký
9.1.5	position	String	Chức vụ người ký
9.1.6	registrationPlace	String	Nơi đăng ký khai tử
9.1.7	registrationDate	String	Ngày đăng ký khai tử. Định dạng dd/MM/yyyy
9.1.8	deathForeignNation	String	Quốc gia nơi đăng ký khai tử tại nước ngoài
9.1.9	deathForeignPlace	String	Nơi đăng ký khai tử tại nước ngoài
9.1.10	deathForeignDate	String	Ngày đăng ký khai tử tại nước ngoài. Định dạng: dd/MM/yyyy
9.1.11	deathForeignNo	String	Số đăng ký khai tử tại nước ngoài
9.1.12	deathFullName	String	Họ, chữ đệm, tên của người chết
9.1.13	deathBirthDate	String	Ngày tháng năm sinh của người chết. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
9.1.14	deathGender	String	Giới tính của người chết
9.1.15	deathEthnic	String	Dân tộc của người chết
9.1.16	deathNational	String	Quốc tịch của người chết
9.1.17	deathResidentContent	String	Nơi thường trú của người chết
9.1.18	deathTemporaryContent	String	Nơi tạm trú của người chết
9.1.19	deathCurrentResident	String	Nơi ở hiện tại của người chết
9.1.20	deathPin	String	Số định danh cá nhân của người chết
9.1.21	deathIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân của người chết
9.1.22	deathIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân của người chết
9.1.23	deathIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân của người chết. Định dạng

			dd/MM/yyyy
9.1.24	deathIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân của người chết
9.1.25	deathDate	String	Thời gian chết
9.1.26	deathDateStr	String	Thời gian chết ghi bằng chữ
9.1.27	deathPlace	String	Nơi chết
9.1.28	deathNoticeNo	String	Số Giấy báo tử/giấy tờ thay thế giấy báo tử
9.1.29	deathNoticeProvideDate	String	Ngày cấp Giấy báo tử/giấy tờ thay thế giấy báo tử. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
9.1.30	deathNoticeProvidePlace	String	Nơi cấp Giấy báo tử/giấy tờ thay thế giấy báo tử
9.1.31	spFullName	String	Họ và tên của người yêu cầu
9.1.32	spIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân người yêu cầu
9.1.33	spIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân người yêu cầu
9.1.34	spIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân người yêu cầu. Định dạng: dd/MM/yyyy
9.1.35	spIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân người yêu cầu
10	marriageStatusRegistrationViews	Collections	Danh sách cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
10.1	marriageStatusRegistrationView	Object	Thông tin Xác nhận tình trạng hôn nhân
10.1.1	numberNo	String	Số đăng ký
10.1.2	bookNo	String	Số quyển sổ hộ tịch
10.1.3	pageNo	String	Trang số trong sổ hộ tịch
10.1.4	registrationDate	String	Ngày đăng ký. Định dạng dd/MM/yyyy
10.1.5	registrationPlace	String	Nơi đăng ký
10.1.6	signer	String	Người ký
10.1.7	position	String	Chức vụ người ký

10.1.8	fullName	String	Họ, chữ đệm, tên của người được xác nhận
10.1.9	birthDate	String	Ngày tháng năm sinh của người được xác nhận. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
10.1.10	gender	String	Giới tính của người được xác nhận
10.1.11	ethnic	String	Dân tộc của người được xác nhận
10.1.12	national	String	Quốc tịch của người được xác nhận
10.1.13	residentContent	String	Nơi thường trú của người được xác nhận
10.1.14	temporaryContent	String	Nơi tạm trú của người được xác nhận
10.1.15	pin	String	Số định danh cá nhân của người được xác nhận
10.1.16	identifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân của người được xác nhận
10.1.17	identifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân của người được xác nhận
10.1.18	identifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân của người được xác nhận. Định dạng dd/MM/yyyy
10.1.19	identifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân của người được xác nhận
10.1.20	usePurposeChar	String	Mục đích sử dụng
10.1.21	marriageStatus	String	Tình trạng hôn nhân
10.1.22	residenceTimeAt	String	Nơi cư trú trong khoảng thời gian muốn xác nhận TTHN.
10.1.23	residenceTimeFromDate	String	Thời gian cư trú từ. Định dạng dd/MM/yyyy
10.1.24	residenceTimeToDate	String	Thời gian cư trú đến. Định dạng dd/MM/yyyy
11	guardianRegistrations	Collections	Danh sách đăng ký giám hộ

11.1	guardianRegistration	Object	Thông tin đăng ký giám hộ
11.1.1	numberNo	String	Số đăng ký
11.1.2	bookNo	String	Số quyển sổ hộ tịch
11.1.3	pageNo	String	Số trang sổ hộ tịch
11.1.4	registrationDate	String	Ngày đăng ký giám hộ. Định dạng: dd/MM/yyyy
11.1.5	registrationPlace	String	Nơi đăng ký
11.1.6	signer	String	Người ký
11.1.7	position	String	Chức vụ người ký
11.1.8	grForeignPlaceNation	String	Quốc gia nơi đăng ký giám hộ tại nước ngoài
11.1.9	grForeignPlace	String	Nơi đăng ký giám hộ tại nước ngoài
11.1.10	grForeignDate	String	Ngày đăng ký giám hộ tại nước ngoài. Định dạng: dd/MM/yyyy
11.1.11	grForeignNo	String	Số đăng ký giám hộ tại nước ngoài
11.1.12	parentFullName	String	Họ, chữ đệm, tên người giám hộ
11.1.13	parentBirthDate	String	Ngày tháng năm sinh người giám hộ. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
11.1.14	parentGender	String	Giới tính người giám hộ
11.1.15	parentEthnic	String	Dân tộc người giám hộ
11.1.16	parentNational	String	Quốc tịch người giám hộ
11.1.17	parentResidentContent	String	Nơi thường trú người giám hộ
11.1.18	parentTemporaryContent	String	Nơi tạm trú người giám hộ
11.1.19	parentCurrentResident	String	Nơi ở hiện tại người giám hộ
11.1.20	parentPin	String	Số định danh cá nhân người giám hộ
11.1.21	parentIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân người giám hộ

11.1.22	parentIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân người giám hộ
11.1.23	parentIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân người giám hộ. Định dạng: dd/MM/yyyy
11.1.24	parentIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân người giám hộ
11.1.25	organizationName	String	Tên cơ quan tổ chức (trường hợp người giám hộ là cơ quan tổ chức)
11.1.26	organizationAddress	String	Địa chỉ cơ quan tổ chức (trường hợp người giám hộ là cơ quan tổ chức)
11.1.27	grFullName	String	Họ, chữ đệm, tên người được giám hộ
11.1.28	grBirthDate	String	Ngày tháng năm sinh người được giám hộ. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
11.1.29	grGender	String	Giới tính người được giám hộ
11.1.30	grEthnic	String	Dân tộc người được giám hộ
11.1.31	grNational	String	Quốc tịch người được giám hộ
11.1.31	grResidentContent	String	Nơi thường trú người được giám hộ
11.1.32	grTemporaryContent	String	Nơi tạm trú người được giám hộ
11.1.33	grCurrentResident	String	Nơi ở hiện tại người được giám hộ
11.1.34	grPin	String	Số định danh cá nhân người được giám hộ
11.1.35	grIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân người được giám hộ
11.1.36	grIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân người được giám hộ
11.1.37	grIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân người được giám hộ. Định dạng: dd/MM/yyyy

11.1.38	grIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân người được giám hộ
12	terminationGuardians	Collections	Danh sách đăng ký chấm dứt giám hộ
12.1	terminationGuardian	Object	Thông tin đăng ký chấm dứt giám hộ
12.1.1	numberNo	String	Số đăng ký
12.1.2	bookNo	String	Số quyển sổ hộ tịch
12.1.3	pageNo	String	Trang số
12.1.4	registrationPlace	String	Nơi đăng ký
12.1.5	registrationDate	String	Ngày đăng ký. Định dạng: dd/MM/yyyy
12.1.6	signer	String	Người ký
12.1.7	position	String	Chức vụ người ký
12.1.8	grForeignPlaceNation	String	Quốc gia nơi đăng ký tại nước ngoài
12.1.9	grForeignPlace	String	Nơi đăng ký tại nước ngoài
12.1.10	grForeignDate	String	Ngày đăng ký tại nước ngoài. Định dạng: dd/MM/yyyy
12.1.11	grForeignNo	String	Số đăng ký tại nước ngoài
12.1.12	grNumberNo	String	Số đăng ký giám hộ
12.1.13	grRegistrationDate	String	Ngày đăng ký giám hộ
12.1.14	grRegistrationPlace	String	Nơi đăng ký giám hộ
12.1.15	parentFullName	String	Họ, chữ đệm, tên người giám hộ
12.1.16	parentBirthDate	String	Ngày tháng năm sinh người giám hộ. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
12.1.17	parentGender	String	Giới tính người giám hộ
12.1.18	parentEthnic	String	Dân tộc người giám hộ
12.1.19	parentNational	String	Quốc tịch người giám hộ
12.1.20	parentResidentContent	String	Nơi thường trú người giám hộ
12.1.21	parentTemporaryContent	String	Nơi tạm trú người giám hộ

12.1.22	parentCurrentResident	String	Nơi ở hiện tại người giám hộ
12.1.23	parentPin	String	Số định danh cá nhân người giám hộ
12.1.24	parentIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân người giám hộ
12.1.25	parentIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân người giám hộ
12.1.26	parentIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân người giám hộ. Định dạng: dd/MM/yyyy
12.1.27	parentIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân người giám hộ
12.1.28	organizationName	String	Tên cơ quan tổ chức (trường hợp người giám hộ là cơ quan tổ chức)
12.1.29	organizationAddress	String	Địa chỉ cơ quan tổ chức (trường hợp người giám hộ là cơ quan tổ chức)
12.1.30	grFullName	String	Họ, chữ đệm, tên người được giám hộ
12.1.31	grBirthDate	String	Ngày tháng năm sinh người được giám hộ. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
12.1.32	grGender	String	Giới tính người được giám hộ
12.1.33	grEthnic	String	Dân tộc người được giám hộ
12.1.34	grNational	String	Quốc tịch người được giám hộ
12.1.35	grResidentContent	String	Nơi thường trú người được giám hộ
12.1.36	grTemporaryContent	String	Nơi tạm trú người được giám hộ
12.1.37	grCurrentResident	String	Nơi ở hiện tại người được giám hộ
12.1.38	grPin	String	Số định danh cá nhân người được giám hộ
12.1.39	grIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân người

			được giám hộ
12.1.40	grIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân người được giám hộ
12.1.41	grIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân người được giám hộ. Định dạng: dd/MM/yyyy
12.1.42	grIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân người được giám hộ
13	fmcRecognizeRegistrations	Collection	Danh sách đăng ký nhận cha, mẹ, con
13.1	fmcRecognizeRegistration	Object	Thông tin đăng ký nhận cha, mẹ, con
13.1.1	numberNo	String	Số đăng ký
13.1.2	bookNo	String	Số quyển sổ hộ tịch
13.1.3	pageNo	String	Số trang sổ hộ tịch
13.1.4	registrationPlace	String	Nơi đăng ký
13.1.5	registrationDate	String	Ngày đăng ký. Định dạng dd/MM/yyyy
13.1.6	signer	String	Người ký
13.1.7	position	String	Chức vụ người ký
13.1.8	recognizedForeignNation	String	Quốc gia nơi đăng ký nhận cha, mẹ, con tại nước ngoài
13.1.9	recognizedForeignPlace	String	Nơi đăng ký nhận cha, mẹ, con tại nước ngoài
13.1.10	recognizedForeignDate	String	Ngày đăng ký nhận cha, mẹ, con tại nước ngoài. Định dạng: dd/MM/yyyy
13.1.11	recognizedForeignNo	String	Số đăng ký nhận cha, mẹ, con tại nước ngoài
13.1.12	fullName	String	Họ, chữ đệm, tên người con
13.1.13	birthDate	String	Ngày tháng năm sinh người con.Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
13.1.14	gender	String	Giới tính người con
13.1.15	ethnic	String	Dân tộc người con
13.1.16	national	String	Quốc tịch người con

13.1.17	residentContent	String	Nơi thường trú người con
13.1.18	temporaryContent	String	Nơi tạm trú người con
13.1.19	currentResident	String	Nơi ở hiện tại người con
13.1.20	pin	String	Số định danh cá nhân người con
13.1.21	identifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân người con
13.1.22	identifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân người con
13.1.23	identifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân người con. Định dạng: dd/MM/yyyy
13.1.24	identifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân người con
13.1.25	recognizedFullName	String	Họ, chữ đệm, tên cha/mẹ
13.1.26	recognizedBirthDate	String	Ngày tháng năm sinh cha/mẹ. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
13.1.27	recognizedGender	String	Giới tính cha/mẹ
13.1.28	recognizedEthnic	String	Dân tộc cha/mẹ
13.1.29	recognizedNational	String	Quốc tịch cha/mẹ
13.1.30	recognizedResidentContent	String	Nơi thường trú cha/mẹ
13.1.31	recognizedTemporaryContent	String	Nơi tạm trú cha/mẹ
13.1.32	recognizedCurrentResident	String	Nơi ở hiện tại cha/mẹ
13.1.33	recognizedPin	String	Số định danh cá nhân cha/mẹ
13.1.34	recognizedIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân cha/mẹ
13.1.35	recognizedIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân cha/mẹ
13.1.36	recognizedIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân cha/mẹ. Định dạng: dd/MM/yyyy
13.1.37	recognizedIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân cha/mẹ
14	childAdoptionRegistrations	Collections	Danh sách đăng ký nuôi con nuôi
14.1	childAdoptionRegis	Object	Thông tin đăng ký nuôi con

	tration		nuôi
14.1.1	numberNo	String	Số đăng ký
14.1.2	bookNo	String	Số quyển sổ hộ tịch
14.1.3	pageNo	String	Trang số trong sổ hộ tịch
14.1.4	registrationPlace	String	Nơi đăng ký
14.1.5	registrationDate	String	Ngày đăng ký
14.1.6	signer	String	Người ký
14.1.7	position	String	Chức vụ người ký
14.1.8	caForeignNation	String	Quốc gia nơi đăng ký nuôi con nuôi tại nước ngoài
14.1.9	caForeignPlace	String	Nơi đăng ký nuôi con nuôi tại nước ngoài
14.1.10	caForeignDate	String	Ngày đăng ký nuôi con nuôi tại nước ngoài. Định dạng: dd/MM/yyyy
14.1.11	caForeignNo	String	Số đăng ký nuôi con nuôi tại nước ngoài
14.1.12	decisionNo	String	Quyết định số
14.1.13	decisionDate	String	Ngày quyết định. Định dạng: dd/MM/yyyy
14.1.14	decisionDepartment	String	Cơ quan ban hành quyết định
14.1.15	caFullName	String	Họ, chữ đệm, tên người con
14.1.16	caBirthDate	String	Ngày tháng năm sinh người con. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
14.1.17	caGender	String	Giới tính người con
14.1.18	caBirthPlace	String	Nơi sinh người con
14.1.19	caEthnic	String	Dân tộc người con
14.1.20	caNational	String	Quốc tịch người con
14.1.21	caResidentContent	String	Nơi thường trú người con
14.1.22	caTemporaryConten t	String	Nơi tạm trú người con
14.1.23	caCurrentResident	String	Nơi ở hiện tại người con
14.1.24	caPin	String	Số định danh cá nhân người con
14.1.25	caIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân người con

14.1.26	caIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân người con
14.1.27	caIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân người con. Định dạng: dd/MM/yyyy
14.1.28	caIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân người con
14.1.29	caDadFullName	String	Họ, chữ đệm, tên cha nuôi
14.1.30	caDadBirthDate	String	Ngày tháng năm sinh cha nuôi. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
14.1.31	caDadEthnic	String	Dân tộc cha nuôi
14.1.32	caDadNational	String	Quốc tịch cha nuôi
14.1.33	caDadResidentContent	String	Nơi thường trú cha nuôi
14.1.34	caDadTemporaryContent	String	Nơi tạm trú cha nuôi
14.1.35	caDadCurrentResident	String	Nơi ở hiện tại cha nuôi
14.1.36	caDadPin	String	Số định danh cá nhân cha nuôi
14.1.37	caDadIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân cha nuôi
14.1.38	caDadIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân cha nuôi
14.1.39	caDadIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân cha nuôi. Định dạng: dd/MM/yyyy
14.1.40	caDadIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân cha nuôi
14.1.41	caMomFullName	String	Họ, chữ đệm, tên mẹ nuôi
14.1.42	caMomBirthDate	String	Ngày tháng năm sinh mẹ nuôi. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
14.1.43	caMomEthnic	String	Dân tộc mẹ nuôi
14.1.44	caMomNational	String	Quốc tịch mẹ nuôi
14.1.45	caMomResidentContent	String	Nơi thường trú mẹ nuôi
14.1.46	caMomTemporaryContent	String	Nơi tạm trú mẹ nuôi
14.1.47	caMomCurrentResident	String	Nơi ở hiện tại mẹ nuôi
14.1.48	caMomPin	String	Số định danh cá nhân mẹ nuôi

14.1.49	caMomIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân mẹ nuôi
14.1.50	caMomIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân mẹ nuôi
14.1.51	caMomIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân mẹ nuôi. Định dạng: dd/MM/yyyy
14.1.52	caMomIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân mẹ nuôi
14.1.53	firstDelivererFullName	String	Họ, chữ đệm, tên người giao con nuôi thứ nhất
14.1.54	firstDelivererBirthDate	String	Ngày tháng năm sinh người giao con nuôi thứ nhất. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
14.1.55	firstDelivererGender	String	Giới tính người giao con nuôi thứ nhất
14.1.56	firstDelivererEthnic	String	Dân tộc người giao con nuôi thứ nhất
14.1.57	firstDelivererNational	String	Quốc tịch người giao con nuôi thứ nhất
14.1.58	firstDelivererResidentContent	String	Nơi thường trú người giao con nuôi thứ nhất
14.1.59	firstDelivererTemporaryContent	String	Nơi tạm trú người giao con nuôi thứ nhất
14.1.60	firstDelivererCurrentResident	String	Nơi ở hiện tại người giao con nuôi thứ nhất
14.1.61	firstDelivererPin	String	Số định danh cá nhân người giao con nuôi thứ nhất
14.1.62	firstDelivererIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân người giao con nuôi thứ nhất
14.1.63	firstDelivererIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân người giao con nuôi thứ nhất
14.1.64	firstDelivererIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân người giao con nuôi thứ nhất. Định dạng: dd/MM/yyyy
14.1.65	firstDelivererIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân người giao con nuôi thứ nhất
14.1.66	secondDelivererFullName	String	Họ, chữ đệm, tên người giao con nuôi thứ hai
14.1.67	secondDelivererBirthDate	String	Ngày tháng năm sinh người giao con nuôi thứ hai. Định

			dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
14.1.68	secondDelivererGender	String	Giới tính người giao con nuôi thứ hai
14.1.69	secondDelivererEthnic	String	Dân tộc người giao con nuôi thứ hai
14.1.70	secondDelivererNational	String	Quốc tịch người giao con nuôi thứ hai
14.1.71	secondDelivererResidentContent	String	Nơi thường trú người giao con nuôi thứ hai
14.1.72	secondDelivererTemporaryContent	String	Nơi tạm trú người giao con nuôi thứ hai
14.1.73	secondDelivererCurrentResident	String	Nơi ở hiện tại người giao con nuôi thứ hai
14.1.74	secondDelivererPin	String	Số định danh cá nhân người giao con nuôi thứ hai
14.1.75	secondDelivererIdentifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân người giao con nuôi thứ hai
14.1.76	secondDelivererIdentifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân người giao con nuôi thứ hai
14.1.77	secondDelivererIdentifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân người giao con nuôi thứ hai. Định dạng: dd/MM/yyyy
14.1.78	secondDelivererIdentifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân người giao con nuôi thứ hai
15	superviseGuardians	Collections	Danh sách đăng ký giám sát việc giám hộ
15.1	superviseGuardian	Object	Thông tin đăng ký giám sát việc giám hộ
15.1.1	numberNo	String	Số đăng ký
15.1.2	bookNo	String	Số quyển sổ hộ tịch
15.1.3	pageNo	String	Trang số trong sổ hộ tịch
15.1.4	registrationPlace	String	Nơi đăng ký
15.1.5	registrationDate	String	Ngày đăng ký. Định dạng dd/MM/yyyy
15.1.6	signer	String	Người ký
15.1.7	position	String	Chức vụ người ký

15.1.8	grForeignNation	String	Quốc gia nơi đăng ký giám sát việc giám hộ tại nước ngoài
15.1.9	grForeignPlace	String	Nơi đăng ký giám sát việc giám hộ tại nước ngoài
15.1.10	grForeignDate	String	Ngày đăng ký giám sát việc giám hộ tại nước ngoài. Định dạng: dd/MM/yyyy
15.1.11	grForeignNo	String	Số đăng ký giám sát việc giám hộ tại nước ngoài
15.1.12	grNumberNo	String	Số đăng ký giám hộ
15.1.13	grBookNo	String	Quyển số đăng ký giám hộ
15.1.14	grRegistrationDate	String	Ngày đăng ký giám hộ
15.1.15	grRegistrationPlace	String	Nơi đăng ký giám hộ. Định dạng: dd/MM/yyyy
15.1.16	fullName	String	Họ, chữ đệm, tên người giám sát
15.1.17	birthDate	String	Ngày tháng năm sinh người giám sát. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
15.1.18	gender	String	Giới tính người giám sát
15.1.19	ethnic	String	Dân tộc người giám sát
15.1.20	national	String	Quốc tịch người giám sát
15.1.21	residentContent	String	Nơi thường trú người giám sát
15.1.22	temporaryContent	String	Nơi tạm trú người giám sát
15.1.23	currentResident	String	Nơi ở hiện tại người giám sát
15.1.24	pin	String	Số định danh cá nhân người giám sát
15.1.25	identifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân người giám sát
15.1.26	identifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân người giám sát
15.1.27	identifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân người giám sát. Định dạng: dd/MM/yyyy
15.1.28	identifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân người giám sát
15.1.29	organizationName	String	Tên cơ quan tổ chức người giám sát

15.1.30	organizationAddress	String	Địa chỉ cơ quan tổ chức người giám sát
16	terminateSuperviseGuardians	Collections	Danh sách đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ
16.1	terminateSuperviseGuardian	Object	Thông tin đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ
16.1.1	numberNo	String	Số đăng ký
16.1.2	bookNo	String	Số quyển sổ hộ tịch
16.1.3	pageNo	String	Số trang trong sổ hộ tịch
16.1.4	registrationPlace	String	Nơi đăng ký
16.1.5	registrationDate	String	Ngày đăng ký Định dạng dd/MM/yyyy
16.1.6	signer	String	Người ký
16.1.7	position	String	Chức vụ người ký
16.1.8	gsForeignNation	String	Quốc gia nơi đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ tại nước ngoài
16.1.9	gsForeignPlace	String	Nơi đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ tại nước ngoài
16.1.10	gsForeignDate	String	Ngày đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ tại nước ngoài. Định dạng: dd/MM/yyyy
16.1.11	gsForeignNo	String	Số đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ tại nước ngoài
16.1.12	gsNumberNo	String	Số đăng ký giám sát việc giám hộ
16.1.13	gsBookNo	String	Quyển số đăng ký giám sát việc giám hộ
16.1.14	gsRegistrationDate	String	Ngày đăng ký giám sát việc giám hộ
16.1.15	gsRegistrationPlace	String	Nơi đăng ký giám sát việc giám hộ. Định dạng: dd/MM/yyyy
16.1.16	fullName	String	Họ, chữ đệm, tên người giám sát
16.1.17	birthDate	String	Ngày tháng năm sinh người giám sát. Định dạng: dd/MM/yyyy hoặc MM/yyyy hoặc yyyy
16.1.18	gender	String	Giới tính người giám sát

16.1.19	ethnic	String	Dân tộc người giám sát
16.1.20	national	String	Quốc tịch người giám sát
16.1.21	residentContent	String	Nơi thường trú người giám sát
16.1.22	temporaryContent	String	Nơi tạm trú người giám sát
16.1.23	currentResident	String	Nơi ở hiện tại người giám sát
16.1.24	pin	String	Số định danh cá nhân người giám sát
16.1.25	identifyType	String	Loại giấy tờ tùy thân người giám sát
16.1.26	identifyNo	String	Số giấy tờ tùy thân người giám sát
16.1.27	identifyDate	String	Ngày cấp giấy tờ tùy thân người giám sát. Định dạng: dd/MM/yyyy
16.1.28	identifyPlace	String	Nơi cấp giấy tờ tùy thân người giám sát
16.1.29	organizationName	String	Tên cơ quan tổ chức người giám sát
16.1.30	organizationAddress	String	Địa chỉ cơ quan tổ chức người giám sát
17	Signature	Object	Thông tin chữ ký số

- Giải thích các mã lỗi có thể gặp:

STT	Tên trường	Kiểu dữ liệu	Mô tả	Ghi chú
1	code	Long	200 – thành công 4021 – Không tìm thấy công dân (mô tả chi tiết trong message) 9090 - API KEY không hợp lệ 500 – Lỗi hệ thống	
2	message	String	Nội dung kết quả trả về	

2.3. Hướng dẫn cấp API KEY

- Bộ ngành địa phương gửi yêu cầu kết nối cần cung cấp thông tin Mã đơn vị (ví dụ Bộ Tư Pháp là G15), sau khi cung cấp mã Đơn vị, Cục Hành Chính - Bộ Tư Pháp sẽ cung cấp thông tin API-KEY, APP-CODE tương ứng.

2.4. Hướng dẫn xác thực chữ ký số

- Dữ liệu chia sẻ cho bộ, ngành, địa phương được ký số theo chuẩn XadES. Quy trình ký số, xác thực chữ ký số theo hướng dẫn tại Công văn số 326/BCY-CTSBMTT ngày 05/6/2025 của Ban Cơ yếu Chính phủ về việc hướng dẫn triển khai dịch vụ ký số, xác thực phục vụ đồng bộ dữ liệu về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

2.5. Bảng danh mục đơn vị hành chính

- Hệ thống CSDLHTDT sử dụng danh mục đơn vị hành chính theo bảng danh mục đơn vị hành chính do Cục Thống Kê - Bộ Tài Chính ban hành.

- Link tham chiếu: https://www.nso.gov.vn/phuong-phap-luan-thong-ke/danh-muc/don-vi-hanh-chinh/